

**CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN
SHINHAN VIỆT NAM**
Số: 08/2020/CBTT-SSV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
---o0o---

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng Khoán Tp Hồ Chí Minh
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Công ty: CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM
Mã chứng khoán: không có
Trụ sở chính: Phòng 2201, Lầu 22, Tòa nhà Centec, 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, Tp Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028 6299 8000 Fax: 028 6299 4232
Người thực hiện công bố thông tin: Ông KANG SANG IN – Phó Tổng Giám đốc
Địa chỉ: Phòng 2201, Lầu 22, Tòa nhà Centec, 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, Tp Hồ Chí Minh
Điện thoại (Cơ quan): 028 6299 8000 Fax: 028 62994232
Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ
Nội dung thông tin công bố:

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
CỦA CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM**

Địa chỉ trang thông tin điện tử đăng tải toàn bộ báo cáo:

<https://shinhansec.com.vn/278/bao-cao-thuong-nien-nam-2019-11360n.html>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Ngày 13 tháng 04 năm 2020

Đại diện tổ chức

Người được ủy quyền công bố thông tin



KANG SANG IN

Phó Tổng Giám đốc

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

Shinhan Securities Vietnam Co.,Ltd

ANNUAL REPORT 2019

MỤC LỤC/CONTENTS

PHẦN 1/SECTION 1: THÔNG TIN CHUNG / GENERAL INFORMATION	1
Thông tin khái quát/ <i>General information</i>	2
Quá trình hình thành và phát triển/ <i>Foundation and development process</i>	4
Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/ <i>Information about governance model, business organization and managerial apparatus</i>	5
Định hướng phát triển/ <i>Development orientations</i>	8
Rủi ro/ <i>Risks</i>	10
PHẦN 2/SECTION 2: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM/ OPERATION SITUATION IN THE YEAR	14
Tình hình hoạt động kinh doanh/ <i>Situation of business operations</i>	15
Tổ chức và nhân sự/ <i>Organization and Human resource</i>	15
Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án/ <i>Investment activities, project implementation</i>	15
Tình hình tài chính/ <i>Financial situation</i>	16
Tình hình thay đổi vốn đầu tư Chủ sở hữu/ <i>Change in the Owner equity</i>	18
Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty/ <i>Report related impact of the Company on the environment and society</i>	18
Chính sách liên quan đến người lao động/ <i>Policies related to employees</i>	20
PHẦN 3/SECTION 3: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC/ REPORT AND ASSESSMENT OF THE BOARD OF MANAGEMENT	21
Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh/ <i>Assessment of operating results</i>	22
Tình hình tài chính/ <i>Financial Situation</i>	23
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý/ <i>Improvements in organizational structure, policies, management</i>	24
Kế hoạch kinh doanh năm 2020/ <i>Business Plan in 2020</i>	24
Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty/ <i>Evaluation report related to environmental and social responsibility of the Company</i>	25
Giải pháp và chương trình hành động năm 2019/ <i>Solutions and action plan for 2019</i>	25
Báo cáo tài chính/ <i>Financial statements</i>	27



PHẦN 1: THÔNG TIN CHUNG
SECTION 1: GENERAL INFORMATION

THÔNG TIN KHÁI QUÁT / GENERAL INFORMATION

Tên giao dịch/ Trading name

Tên giao dịch CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM
Trading name

Tên Tiếng Việt CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM
Vietnamese name

Tên Tiếng Anh SHINHAN SECURITIES VIETNAM CO., LTD
English name

Tên viết tắt SSV
Abbreviation name

Địa chỉ/Address:

Phòng 2201, Tầng 22, Tòa nhà Centec, 72 – 74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, Tp Hồ Chí Minh.

Unit 2201, 22nd Floor, Centec Tower, 72-74 Nguyen Thi Minh Khai Street, Ward 6, District 3, Ho Chi Minh City.

Số điện thoại/ Tel: 028 6299 8000 Fax: 028 6299 4232

Website: www.shinhansec.com.vn

Giấy phép kinh doanh/ Business license

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 123/GP-UBCK do UBCKNN cấp ngày 04/02/2016.
Certificate of business registration No: 123/GP-UBCK issued on 04/02/2016.
- Giấy phép điều chỉnh số 50/GPĐC-UBCK ngày 12/10/2017 thay đổi Đại diện theo pháp luật.
Amendment license No: 50/GPĐC-UBCK issued on 12/10/2017 about changing legal representative.

- Giấy phép điều chỉnh số 62/GPĐC-UBCK ngày 27/12/2017 ghi nhận vốn điều lệ 812.600.000.000 đồng.
Amendment license No: 62/GPĐC-UBCK issued on 27/12/2017 about recording new charter capital 812.600.000.000 VND.

Vốn điều lệ/ Charter capital: 812.600.000.000 VNĐ (Tám trăm mười hai tỷ sáu trăm triệu việt nam đồng).

Vốn đầu tư của chủ sở hữu/ Owner's capital (tại thời điểm 31/12/2019): 812.600.000.000 VNĐ (Tám trăm mười hai tỷ sáu trăm triệu Việt Nam đồng).

Mã cổ phiếu (nếu có) /Securities code (if any): không/ none.

Ngành nghề kinh doanh/ Business lines:

Môi giới chứng khoán/ Brokerage

Tự doanh chứng khoán/ Self-trading

Tư vấn đầu tư chứng khoán/ Securities investment advisory

Mạng lưới hoạt động/Location:

Phòng 2201, Tầng 22, Tòa nhà Centec, 72 – 74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, Tp Hồ Chí Minh.

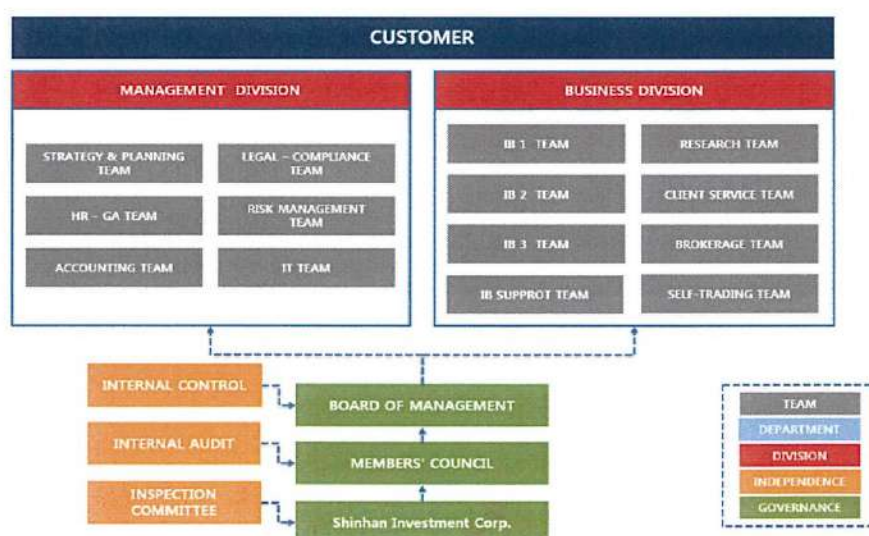
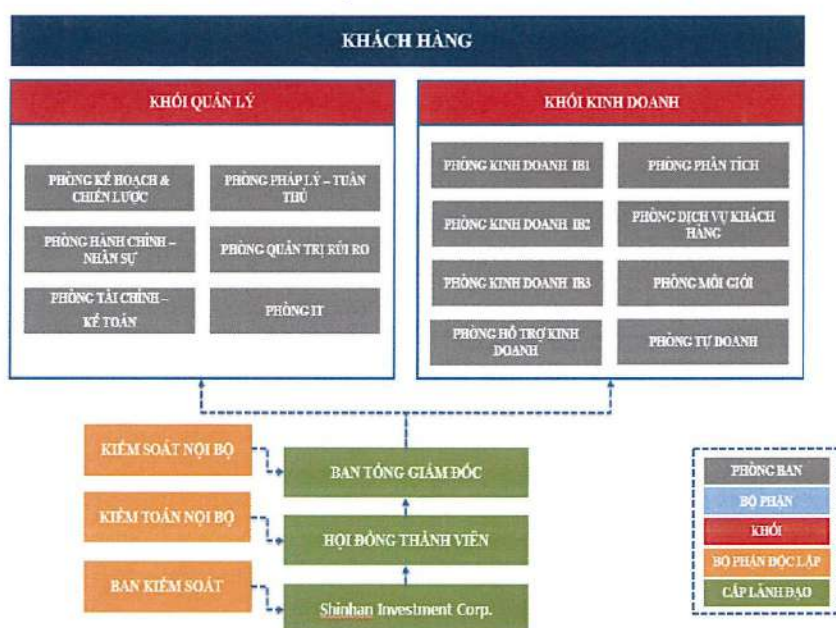
Room 2201, Floor 22, Centec Tower, 72-74 Nguyen Thi Minh Khai, Ward 6, District 3, HCMC.

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN/ FOUNDATION AND DEVELOPMENT PROCESS

18/12/2007	Công ty Cổ phần Chứng khoán Nam An được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 79/UBCK-GP ngày 18/12/2007 do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp, ghi nhận vốn điều lệ là 140 tỷ Việt Nam đồng. <i>Nam An Securities Company was established under the license No 79/UBCK-GP issued on 18/12/2007 by SSC, recording the charter capital is 140 billion Vietnam dong.</i>
08/04/2008	Chính thức trở thành thành viên của Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh. <i>Officially became member of Ho Chi Minh Stock Exchange.</i>
04/02/2016	Chính thức đổi tên thành Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 123/GP-UBCK do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp, với mức vốn điều lệ ghi nhận là 146 tỷ Việt Nam đồng. <i>Officially change the name into Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd under the license No 123/GP-UBCK issued by SSC, recording the charter capital is 146 billion Vietnam dong.</i>
16/02/2016	Chính thức trở thành thành viên lưu ký của Trung tâm lưu ký Việt Nam. <i>Officially became custody member of VSD.</i>
17/05/2016	Chính thức trở thành thành viên của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. <i>Officially became member of Ha Noi Stock Exchange.</i>
12/10/2017	Thay đổi người đại diện theo pháp luật theo Giấy phép điều chỉnh số 50/GPĐC-UBCK. <i>Change the Legal Representative under the amended license no. 50/GPĐC-UBCK.</i>
27/12/2017	Công ty tăng vốn điều lệ lên 812.600.000.000 VNĐ và được ghi nhận tại Giấy phép điều chỉnh số 62/GPĐC-UBCK. <i>The Company increased the charter capital to VND812.600.000.000 under the amended license no. 62/GPĐC-UBCK.</i>
30/03/2018	Thay đổi Điều lệ công ty lần thứ nhất. <i>The first change of Company's charter.</i>
20/11/2018	Thay đổi Điều lệ công ty lần thứ hai. <i>The second change of Company's charter.</i>

THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ
INFORMATION ABOUT GOVERNANCE MODEL, BUSINESS ORGANIZATION AND
MANAGERIAL APPARATUS

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC/ COMPANY ORGANIZATION



BỘ MÁY QUẢN LÝ/ MANAGERIAL APPARATUS**Hội đồng thành viên/ Members' Council**

- Hội đồng thành viên gồm tất cả 03 (ba) thành viên do Chủ sở hữu Công ty bổ nhiệm với nhiệm kỳ 5 năm.

The Member's Council shall include all of authorized representative appointed by the Owner with term of 5 years.

- Hội đồng thành viên chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ sở hữu công ty về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao bởi Chủ sở hữu, được quy định trong Điều lệ và quy định của pháp luật hiện hành.

Members' Council shall be responsible before the law and the Company's Owner for the performance of the delegated rights and duties assigned by the Owner, as stipulated in the Company's Charter and provisions of the law.

- Cuộc họp Hội đồng thành viên được tổ chức tối thiểu mỗi quý một (01) lần.

Meeting of Member's Council is held at least once (01) per quarter.

- Hội đồng thành viên có quyền và nghĩa vụ theo Điều lệ Công ty quy định.

The Member's Council has rights and obligations in according to the Company's Charter

Họ tên <i>Name</i>	Chức vụ <i>Title</i>	Ngày bổ nhiệm/ từ nhiệm <i>(Date of appointment/dismissal)</i>
Ông Seo Tae Young <i>Mr. Seo Tae Young</i>	Chủ tịch <i>Chairman</i>	Bổ nhiệm ngày 30/03/2018 <i>Appointed on 30/03/2018</i>
Ông Han Bok Hee <i>Mr. Han Bok Hee</i>	Thành viên <i>Member</i>	Bổ nhiệm ngày 30/03/2018 <i>Appointed on 30/03/2018</i>
Ông Kwon Hyuk Jun <i>Mr. Kwon Hyuk Jun</i>	Thành viên <i>Member</i>	Bổ nhiệm ngày 28/06/2017 <i>Appointed on 28/06/2017</i>

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng**Board of Management and Chief Accountant**

- Ban Tổng Giám Đốc gồm Tổng Giám Đốc và các Phó Tổng Giám Đốc.

Board of General Management includes General Director and Deputy General Directors.

- Tổng Giám đốc là người điều hành mọi hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng thành viên, chịu trách nhiệm trước Hội đồng thành viên và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

The General Director is the person who manages the day-to-day business operations of the Company, is subject to supervision by the Members' Council and is responsible to the Members' Council and before the law for the performance of the delegated rights and obligations.

Họ tên <i>Name</i>	Chức vụ <i>Title</i>	Ngày bổ nhiệm/ từ nhiệm <i>(Date of appointment/dismissal)</i>
Ông Kwon Hyuk Jun <i>Mr. Kwon Hyuk Jun</i>	Tổng Giám đốc <i>General Director</i>	Bổ nhiệm ngày 12/10/2017 <i>Appointed on 12/10/2017</i>
Ông Kang Sang In <i>Mr. Kang Sang In</i>	Phó Tổng Giám đốc <i>Deputy General Director</i>	Bổ nhiệm ngày 01/11/2017 <i>Appointed on 01/11/2017</i>
	Giám đốc Khối Văn phòng <i>Management Division</i>	Bổ nhiệm ngày 14/02/2017 <i>Appointed on 14/02/2017</i>
Bà Nguyễn Thị Nhật Linh <i>Ms. Nguyen Thi Nhat Linh</i>	Kế Toán Trưởng <i>Chief Accountant</i>	Bổ nhiệm ngày 01/03/2017 <i>Appointed on 01/02/2017</i>

Ban kiểm soát/ *Inspection Committee*

- Ban Kiểm soát viên bao gồm 2 đến 3 thành viên do Chủ sở hữu bổ nhiệm với nhiệm kỳ là 5 năm hoặc ngắn hơn theo quyết định của Chủ sở hữu.

The Inspection Committee are composed of 2 or 3 members appointed by the Owner with tenure of 5 years or less as decided by the Owner..

- Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Chủ sở hữu công ty và pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ của mình.

The Inspection Committee shall supervise the Members' Council, the chairman of the Members' Council and the Board of Management with respect to management and administration of the

Company; and shall be responsible to the Company's Owner and before the laws for the performance of its obligations.

- Mỗi năm Ban Kiểm soát tổ chức họp tối thiểu 2 lần.

The Inspection Committee shall hold at least 2 meetings each year.

Họ tên <i>Name</i>	Chức vụ <i>Title</i>	Ngày bổ nhiệm/ từ nhiệm <i>(Date of appointment/dismissal)</i>
Ông Im Hyuk <i>Mr. Im Hyuk</i>	Trưởng Ban Kiểm soát <i>Head of Inspection Committee</i>	Bổ nhiệm ngày 30/03/2018 <i>Appointed on 30/03/2018</i>
Ông Nguyễn Thanh Phú <i>Mr. Nguyen Thanh Phu</i>	Thành viên <i>Member</i>	Bổ nhiệm ngày 05/10/2017 <i>Appointed on 05/10/2017</i>

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN/ DEVELOPMENT ORIENTATIONS

MỤC TIÊU/ OBJECTIVE

- Cung cấp các dịch vụ chuyên nghiệp và khác biệt tạo ra giá trị tối ưu cho khách hàng của Công ty nói riêng và của Tập đoàn nói chung.
Providing professional and differentiated services that create value for clients of the Company in particular and of the Shinhan Group in general.
- Huởng lợi ích hợp lý và hợp pháp từ việc cung cấp dịch vụ chuyên nghiệp cho khách hàng.
Getting the rational and legitimate benefits from providing professional services to clients.
- Xây dựng nguồn nhân lực thông minh, hiệu quả và chuyên nghiệp.
Building the smart, efficient and professional human resources.
- Quản trị tài chính hợp lý nhằm tối ưu hóa kết quả hoạt động kinh doanh.
Properly manage the finance to optimize business result.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN/ *DEVELOPMENT STRATEGIES*

- Tập trung xây dựng và phát triển mạnh mẽ tư vấn tài chính và ngân hàng đầu tư, mở rộng hoạt động sang lĩnh vực môi giới.

Focus on building and developing strong financial advisory and investment banking, expand into the brokerage business at the same time.

- Tập trung nâng cao chất lượng tư vấn đầu tư của đội ngũ phân tích, phục vụ tốt nhất nhu cầu đầu tư của các nhà đầu tư quốc tế, đặc biệt là nhà đầu tư Hàn Quốc.

Focus on improving the quality of investment consultancy of the analyst team, best serve the investment needs of international investors, especially Korean investors.

- Hoàn thiện hệ thống công nghệ thông tin, cơ chế quản trị rủi ro và đặc biệt là các công cụ nghiên cứu phân tích nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững trước những biến động và rủi ro tiềm ẩn trên thị trường chứng khoán.

Complete the IT system, risk management mechanism and especially, analytical, research tools to ensure the sustainable development before the fluctuations and risks in the securities market.

- Ra mắt các sản phẩm mới cũng như các mô hình hợp tác đa dạng mới.

Launch new products as well as new models of co-operation.

- Đào tạo và duy trì nguồn nhân lực ưu tú.

Train and maintain the outstanding human resources.

NHIỆM VỤ/ *MISSION*

- Tạo nên giá trị và lợi ích tối ưu cho khách hàng và các bên dựa trên nhiệm vụ quản lý rủi ro và khác biệt hóa sản phẩm.

Create optimal value and benefits of customers and stakeholders based on risk management and differentiating products.

- Góp phần tăng trưởng bền vững và phát triển thị trường chứng khoán Việt Nam với sự quản lý minh bạch.

Contribute to sustainable growth and development of Vietnam Stock market with transparent management.

- Trở thành môi trường làm việc mong muốn của nhân viên thông qua việc trân trọng và nuôi dưỡng nhân tài.

Desired working environment for employee through making value and nurturing people of talent.

TẦM NHÌN/*VISION*

- Tiến đến vị trí dẫn đầu trong các công ty đầu tư ở Châu Á vào năm 2025.
The best investment company in Asia through 2025.
- Tiến đến vị trí top 3 trong thị trường tài chính Việt Nam vào năm 2025.
Reaching the top 3 in Vietnam Financial market by 2025.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI/*CORE VALUE*

- Tập trung vào khách hàng: Đặt lợi ích của khách hàng lên hàng đầu dựa trên sự trung thực và tin tưởng để cùng phát triển với khách hàng.
Customer Focus: We place our customers' interests first on honesty and trust in order to grow together with our customers.
- Liêm chính & tin tưởng: Chúng tôi tìm kiếm sự tin tưởng từ Khách hàng bằng cách cung cấp các dịch vụ tốt nhất.
Integrity & Trust: We earn trust by delivering the best financial solutions and services.
- Tính chuyên nghiệp: Thu hút, duy trì và phát triển nguồn nhân lực ưu tú
Professionalism & Team Work: We attract, retain and develop the best people.

RỦI RO/*RISKS*

Năm 2019, bối cảnh tình hình kinh tế, tài chính thế giới và trong nước có sự tăng trưởng tốt đã tạo cơ sở vững chắc cho thị trường chứng khoán Việt Nam phát triển mạnh, và có mức tăng trưởng cao.

In 2019, the situation of economic and financial in the world and in the country has the good growth, it has created a solid foundation for Vietnam's stock market to develop strongly and have high growth.

Hoạt động tái cấu trúc các công ty chứng khoán vẫn tiếp tục được thực hiện theo lộ trình. Bên cạnh đó, các công ty chứng khoán đã nâng cao hơn về quản trị rủi ro, tuân thủ pháp luật ngày càng tốt hơn, và nâng cao chất lượng các dịch vụ cung cấp cho khách hàng.

The restructuring of securities companies continues to be carried out according to the schedule. In addition, securities companies have improved their risk management, legal compliance, and improved the quality of their services.

Trên cơ sở đó, SSV đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro, đồng thời định hướng phát triển nâng cao chất lượng các sản phẩm cho Nhà đầu tư.

SSV has built up a control system to ensure the balance between the arising cost of risk and the cost of risk management. The Board of Management continually monitors the risk management process to ensure the balance between risk and risk control.

RỦI RO THỊ TRƯỜNG/ MARKET RISK

Các hoạt động kinh doanh cơ bản của SSV liên quan đến rủi ro thị trường là các hoạt động tự doanh, đầu tư tiền gửi và cho vay ký quỹ. Các hoạt động này có thể bị ảnh hưởng bởi những biến động về lãi suất và giá chứng khoán, có thể do tình hình thị trường, có thể do những thay đổi về chính sách tiền tệ và những quy định pháp lý khác. Công ty luôn duy trì công tác quản trị rủi ro mang tính phối hợp chặt chẽ từ việc theo dõi, đánh giá, nhận định, dự báo thị trường, chiến lược đầu tư, đến hệ thống hạn mức, cảnh báo và quy trình xử lý.

The businesses of SSV which involves market risk are self-trading, deposits investment and margin trading. These activities are affected by fluctuations in interest rates and securities prices. They possibly due to market situations, changes in monetary policy and other legal regulations. The Company always maintain coordinated risk governance closely from following, evaluating, identification, forecasting the market, providing investment strategies to limit, warning system and processing.

RỦI RO TÍN DỤNG/ CREDIT RISK

Các hoạt động đầu tư tiền của Công ty qua các kênh tiền gửi ngân hàng, cho vay ký quỹ chứa đựng rủi ro tín dụng. Rủi ro phát sinh khi Công ty không thu hồi được hoặc không thu hồi hết vốn đầu tư do đối tác không thực hiện nghĩa vụ nợ hoặc mất khả năng thanh toán.

The Company's investment activities through bank deposits, margin lending carry credit risks. The risk arises when Company fails to recover or does not fully recover the investment capital because the partner fails to perform its debt obligations or inability to repay.

SSV áp dụng biện pháp đánh giá và chấm điểm tín dụng các Ngân hàng thương mại căn cứ trên báo cáo tài chính, các thông tin về tình hình tài chính và tình hình hoạt động để lựa chọn các đối tác có tín nhiệm cao nhất.

SSV applies assessment measures and credit scoring for commercial banks based on their financial statements, information about the financial status and operational status so that SSV can select partners who have the highest credit rating.

Đối với giao dịch cho vay ký quỹ: SSV lập danh mục một cách thận trọng trên cơ sở tuân thủ các quy định của UBCKNN, đồng thời đánh giá các cổ phiếu trên các yếu tố thanh khoản, biến động giá và định giá cổ phiếu dựa trên báo cáo phân tích tình hình tài chính doanh nghiệp. Danh mục được đánh giá định kỳ hàng tháng để cập nhật kịp thời những biến động của cổ phiếu, những trường hợp đặc biệt sẽ được đánh giá tức thì những tác động khi tin xấu xuất hiện.

With respect to margin trading, Company strictly comply with the State Securities Commission's requirements on making the portfolio. In addition, evaluate the stocks based on the analysis of the corporate financial situation. The portfolio is revalued monthly to timely update the stock fluctuation, and the special cases are evaluated as soon as the bad news of stocks appear.

RỦI RO THANH KHOẢN/ LIQUIDITY RISK

Rủi ro thanh khoản xảy ra khi Công ty mất khả năng thực hiện các nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ đến hạn, không đáp ứng được nhu cầu thanh toán tiền mua chứng khoán của nhà đầu tư sử dụng vốn vay margin và chậm trễ hoặc không đáp ứng được yêu cầu trong hoạt động thanh toán của các nhà đầu tư trên tài khoản của họ duy trì tại Công ty. Công ty luôn phải đảm bảo quản lý hoạt động thanh toán của nhà đầu tư được vận hành nhanh chóng, an toàn và giảm thiểu chi phí. Việc quản lý các khoản đầu tư thanh khoản thấp cũng đòi hỏi cân đối cơ cấu của nguồn vốn chủ sở hữu một cách hợp lý, sao cho không ảnh hưởng đến nhu cầu tái đầu tư nguồn vốn khi giành được cơ hội đầu tư hiệu quả.

Liquidity risk occurs when the Company fails to meet its debt obligations or unable to fulfill clients' demands for money withdrawals/transfers or does not meet the requirements of the payment for margin trading of investors. SSV always ensure payment activities of investors are operated quickly, safely and economically. The management of illiquid investments also requires a reasonable structural balance of equity, so as not to affect the demand for capital reinvestment when the Company gains efficient investment opportunities.

RỦI RO HỆ THỐNG VÀ BẢO MẬT THÔNG TIN

SYSTEM RISK AND INFORMATION SECURITIES

Công ty kiểm tra toàn bộ hệ thống hạ tầng để đảm bảo không có điểm mờ nào trong hệ thống bảo vệ có thể bị xâm nhập. Việc đánh giá hệ thống hàng năm được thực hiện bởi một đơn vị uy tín để đảm bảo các hệ thống có kết nối với bên ngoài được an toàn trước các cuộc tấn công mạng.

Regarding information security, Company reviewed the entire infrastructure to ensure no dim point in the system could be compromised. Regular yearly system scanning has been done by third party to ensure all external connection being safe from the network attacks.

RỦI RO TUÂN THỦ/ COMPLIANCE RISK

Phòng ngừa, hạn chế rủi ro tuân thủ được xem là công tác quan trọng của SSV, như: xây dựng quy trình, bộ máy vận hành có sự kiểm tra chéo lẫn nhau giữa các cá nhân, bộ phận nhằm cường kiểm tra, giám sát nội bộ, hạn chế sự lạm quyền và sớm phát hiện các sai phạm có thể xảy ra; nâng cao ý thức tuân thủ của nhân viên thông qua các công tác đào tạo, phổ biến các quy định, quy chế đặc biệt có liên quan đến công việc của mình; áp dụng kỷ luật nghiêm khắc đối với trường hợp vi phạm quy định của Công ty.

Preventing and minimizing compliance risk is considered an important work for the Company such as: make working process and operating system that can cross-check between employees and Department aims to strengthen inspection and supervision, limiting abuses and detect violations that can occur; improve the consciousness of employees in compliance with the training and dissemination of special regulations and regulations related to their work; apply strict discipline to violations of the Company's regulations.

RỦI RO PHÁP LÝ/ LEGAL RISK

Công ty hiểu rõ rằng việc tuân thủ là điều kiện tiên quyết để Công ty có thể thực hiện được các mục tiêu kinh doanh. Do vậy, ngoài việc thiết lập Bộ phận pháp lý nội bộ, Công ty còn sử dụng dịch vụ tư vấn pháp lý của các tổ chức tư vấn pháp lý chuyên nghiệp nhằm hạn chế đến mức tối đa các rủi ro có thể phát sinh. Bộ phận pháp chế có trách nhiệm cập nhật các văn bản pháp quy mới ban hành cho HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các bộ phận có liên quan.

The Company understood the compliance with the Laws is priority conditions for business' activities. Therefore, the company not only setting up internal legal counsel but also using legal advice services of external Lawfirm regularly to minimize the risks may arise. The internal legal is responsible for updating the new legal documents to the Members' Council, Board of Management and the relevant departments.



PHẦN 2
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

SECTION 2
OPERATION SITUATION IN THE YEAR

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH/ *SITUATION OF BUSINESS OPERATION*

Cùng với việc xác định rõ mục tiêu và phương hướng chiến lược phát triển của Công ty, SSV đã vận hành Công ty tương đối ổn định; thiết lập và tổ chức mô hình kinh doanh tập trung vào khối Ngân hàng đầu tư.

Determinate the strategic objectives and strategic direction of the company, SSV operated the Company relatively stable; set up and organize a business model focusing on investment banking.

Năm 2019 là tiếp tục là một năm thành công của Công ty khi đã ghi nhận một kết quả kinh doanh tốt; với doanh thu tăng 38% và lợi nhuận tăng 12% so với năm 2018.

2019 is continued to be a successful year with a good business result; with revenue increased by 38% and net profit increased by 12% compared to 2018.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ/ *ORGANIZATION AND HUMAN RESOURCE*

Những thay đổi trong ban điều hành: Không

List the changes in the Board of Management of the year: None

Số lượng cán bộ, nhân viên SSV tính đến cuối năm 2019 là 29 người.

Number of staffs: SSV has 29 employees as on 31 December, 2019.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN DỰ ÁN

INVESTMENT ACTIVITIES, PROJECT IMPLEMENTATION

Các khoản đầu tư lớn: tại ngày 31/12/2019 Công ty có khoản tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng (628.000.000.000 VNĐ), trái phiếu doanh nghiệp (230.000.000.000 VNĐ).

Major investments: on December 31, 2019, the Company has a savings deposit at the Banks (VND 628,000,000,000), and Corporate bond (VND 230,000,000,000 VND).

Các công ty con, công ty liên kết: không

Subsidiaries, associated companies: none

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH/*FINANCIAL SITUATION*

Chỉ tiêu/Contents	Năm/Year 2019	Năm/Year 2018	% tăng giảm/ % change
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG/ OPERATING REVENUE	122,869,463,352	88,864,765,357	38%
1.1. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL/ <i>Revenue from financial assets at fair value through profit and loss (FVTPL)</i>	1,500,000,000	455,354,000	229%
1.2. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)/ <i>Revenue from financial assets at fair value through profit and loss</i>	46,147,561,700	39,936,757,115	16%
1.3. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)/ <i>Interest from held-to-maturity investments (HTM)</i>	21,587,096,478	9,184,794,521	135%
1.4. Doanh thu môi giới chứng khoán/ <i>Revenue from brokerage services</i>	3,565,553,523	7,684,338,770	-54%
1.5. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán/ <i>Revenue from securities investment consulting operations</i>	12,949,889,265	19,241,481,802	-33%
1.6. Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán		335,000,000	-100%
1.7. Doanh thu tư vấn tài chính/ <i>Revenue from financial advisory services</i>	37,033,611,083	11,959,658,138	210%

1.8. Doanh thu lưu ký chứng khoán/ <i>Revenue from securities custodian services</i>	69,768,000	52,040,000	34%
1.9. Thu nhập hoạt động khác/ <i>Other revenue</i>	15,983,303	15,341,011	4%
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG/ <i>OPERATING EXPENSES</i>	(22,591,458,606)	(19,299,714,289)	17%
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH/ <i>FINANCE INCOME</i>	61,583,193	114,862,154	-46%
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH/ <i>FINANCE EXPENSES</i>	(7,054,045,398)	(533,003,276)	1223%
V. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN/ <i>GENERAL AND ADMINISTRATIVE EXPENSES</i>	(19,240,381,445)	(12,900,744,209)	49%
VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG/ <i>OPERATING LOSS</i>	74,045,161,096	56,246,165,737	32%
VII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC/ <i>OTHER INCOME AND EXPENSES</i>	(153,150,281)	3,193	-4796538%
VIII. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ/ <i>TOTAL GAIN BEFORE TAX</i>	73,892,010,815	56,246,168,930	31%
IX. CHI PHÍ THUẾ TNDN/ <i>CORPORATE INCOME TAX EXPENSE</i>	(14,942,905,161)	(3,719,284,846)	302%
X. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN/ <i>TOTAL GAIN AFTER TAX</i>	58,949,105,654	52,526,884,084	12%

Trong năm 2019, Công ty đã đẩy mạnh hoạt động kinh doanh, đặc biệt là mảng hoạt động tư vấn tài chính. Cùng với hoạt động kinh doanh thì chi phí tài chính tăng mạnh. Vì vậy, Công ty thu được mức lãi trong năm 2019 là 58.949.105.654 đồng so với mức lãi 52.526.884.084 đồng của năm 2018.

In 2019, the Company has stepped up its business activities, especially its financial consulting activities. Along with business activities, financial expenses increased sharply. Therefore, our

company profit in 2019 with the amount of VND 58,949,105,654 compared to the profit of VND 52,526,884,084 in 2018.

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU/ *CHANGE IN THE OWNER EQUITY*

Cơ cấu cổ đông tại ngày 31/12/2019: Chủ sở hữu của Công ty là Shinhan Investment Corp.

Shareholders structure of Company at 31 December 2019: the owner is Shinhan Investment Corp.

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu trong năm: không.

Changes in owner's capital during the year: none

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

REPORT RELATED IMPACT OF THE COMPANY ON THE ENVIRONMENT AND SOCIETY

QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU/ *MATERIAL RESOURCE MANAGEMENT*

Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: không.

The total quantity of materials used to produce and pack the main products and services of the organization during the year: None

Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: không.

Report the percentage of recycled materials used to produce the organization's main products and services: None

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG/ *ENERGY CONSUMPTION*

Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: khoảng 295 triệu Việt Nam đồng/năm.

Direct and indirect energy consumption: about VND 295 millions/year.

Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: không.

Energy saved through energy efficiency initiatives: none.

Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo), báo cáo kết quả của các sáng kiến này: không.

Energy efficiency initiatives (providing energy-saving products or services or using renewable energy), reporting the results of these initiatives: None.

TIÊU THỤ NƯỚC/ WATER CONSUMPTION

Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Nước kinh doanh.

Water supply and water use: Water business

Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: không.

Percentage and total water recycled and reused: none.

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG/ COMPLIANCE WITH THE LAW ON ENVIRONMENTAL PROTECTION

Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không.

Number of times the company is fined for failing to comply with laws and regulations on environment: none.

Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không.

The total amount to be fined for failing to comply with laws and regulations on the environment: none.

CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG/ *POLICIES RELATED TO EMPLOYEES*

Số lượng lao động trung bình: 28 người/năm; mức lương trung bình đối với người lao động: 23.775.231VNĐ/ người lao động/ tháng.

Number of employees: 28; average wages of workers: VNĐ 23,775,231/ employee/month.

Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động: ngoài các chính sách lương, thưởng theo Luật lao động và quy định của Công ty, Công ty còn có các chính sách phúc lợi cho người lao động như: tổ chức sinh nhật, quà cho nhân viên vào các ngày lễ (8/3, 20/10, Giáng sinh, tết dương lịch), bảo hiểm sức khỏe, chế độ cưới hỏi, thai sản...)

Labor policies to ensure health, safety and welfare of workers: Besides the policies of salary and bonus under the Labor Code and the Company's regulations, the Company also has welfare policies for employees such as birthday party and gifts for employees on holidays (8/3, 20/10, Christmas, Solar New Year's Day), health insurance, wedding, maternity ...)

Hoạt động đào tạo người lao động/ *Training employees:*

Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên: 5 giờ/năm.

The average number of training hours per year, according to the staff and classified staff: 5 hours/year.

Nhân viên được tham gia khóa đào tạo kiến thức, nghiệp vụ và ngoại ngữ.

Employees are trained with training professional knowledge and foreign language.

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương: chưa có.

Report on local community responsibilities: none.

Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh: chưa có.

Reports related to green capital market activities: none.



PHẦN 3
BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN
TỔNG GIÁM ĐỐC

SECTION 3
REPORT AND ASSESSMENT OF THE
BOARD OF MANAGEMENT

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

ASSESSMENT OF THE OPERATING RESULTS

Về nghiệp vụ môi giới: Công ty quản lý tách bạch tài khoản tiền gửi của nhà đầu tư với tài khoản tiền của Công ty; Hoạt động của nghiệp vụ tự doanh chứng khoán chỉ đầu tư trái phiếu doanh nghiệp; bảo đảm lợi ích của khách hàng luôn được ưu tiên.

SSV has strictly kept the deposit accounts of investors separate with the Company's accounts; Self-trading activities only do invest in Corporate bond; Ensuring the interests of customers is always priority.

Về nghiệp vụ nghiên cứu, tư vấn và ngân hàng đầu tư: chất lượng đội ngũ chuyên viên tư vấn, phân tích được cải thiện rõ rệt, các chuyên viên phân tích đã tiếp tục thường xuyên cập nhật tin tức, tổng kết tình hình và nhận định xu hướng giao dịch. Mặc dù, chỉ đang trong giai đoạn đầu sau khi thành lập, nhưng Công ty vẫn thường xuyên và đặc biệt chú trọng dành ngân sách để đưa các nhân viên tham gia các khóa đào tạo ở Hàn Quốc để tiếp cận và học hỏi kinh nghiệm với các chuyên viên khác trong tập đoàn. SSV sẽ tiếp tục duy trì định hướng phát triển đó cho năm 2020, qua đó nâng cao vị thế của công ty trong hoạt động ngân hàng đầu tư.

About research, advisory and investment banking: the quality of consultants and analysts has been improved remarkably. Analysts have continuously updated the news, summarized the market information and identify the trading trend. Although SSV in the early year of establishment, the SSV still pays a special attention on spending the budget to send employees to attend training courses in Korea to gain access to and learn from other professionals in the group. SSV will continue to maintain that orientation for 2020, thereby enhancing the company's position in investment banking activities.

Những tiến bộ công ty đã đạt được: ổn định cơ cấu tổ chức nội bộ; xây dựng chiến lược phát triển kinh doanh và đã đạt được những kết quả kinh doanh ấn tượng cho năm 2019.

The Company's achievements: initially stabilizing the internal organization; develop the business strategy with an impressive business result in 2019.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH/ *FINANCIAL SITUATION*

TÌNH HÌNH TÀI SẢN/ *ASSETS*

Tổng tài sản của công ty tại ngày 31/12/2019 là 904 tỷ, giảm 6% so với năm 2018 do công ty không có dự nợ vay tại thời điểm cuối năm, hoạt động kinh doanh có lãi trong năm. Cơ cấu tài sản chủ yếu tập trung ở tài sản tài chính 97% và tài sản cố định chiếm 2%, các tài sản khác chỉ chiếm 1%.

Total assets of the company as at 31/12/2019 is 904 billion, decrease 6% compared to 2018 because the company has no loan balance at the end of the year, profitable business activities in the year. The structure of assets mainly concentrated in financial assets is 97%, fixed assets is 2%, other assets only accounted for 1%.

Cơ cấu nguồn vốn gồm vốn chủ sở hữu chiếm gần 99%. Các khoản phải trả khác chiếm 1%.

Capital structure including equity accounted for nearly 99%. Other payables account for 1%.

Cuối năm 2019, Công ty không có dư nợ vay.

At the end of 2019, the Company has no outstanding loans.

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ/ *LIABILITIES*

Nợ phải trả đến 31/12/2019 là giảm nhiều so với năm 2018 do công ty không sử dụng vốn vay. Các khoản phải trả khác chiếm chưa tới 1%, khoản nợ này chủ yếu là khoản thanh toán nộp thuế và các khoản phải khác vào cuối năm, sẽ được thực hiện thanh toán đầu năm 2020.

Liabilities as of December 31, 2019 are much lower than 2018 because the company does not use loans. Other payables account for less than 1%, most of which are tax payments and other amounts at the end of the year, will be made in early 2020.

Hiện tại công ty có vay nợ phục vụ cho hoạt động kinh doanh nhưng đều thanh toán đúng hạn và sử dụng hiệu quả nguồn vốn nên còn dư nợ tại thời điểm cuối kỳ.

Currently, the company has borrowed to serve the business activities, but all paid on time and effectively used the capital, so there were outstanding loans at the end of the period.

Khoản mục chênh lệch tỷ giá chỉ phát sinh trong khoản mục chi lương cho người nước ngoài, doanh thu tư vấn tài chính. Công ty có sử dụng nguồn vay vốn từ nước ngoài nhưng đã mua hợp đồng tỷ giá nên ảnh hưởng tỷ giá không đáng kể.

Items of exchange rate differences arising only in the item of salary payment for foreigners, financial consultancy revenue. The company used foreign loans but bought exchange rate contracts so the exchange rate impact was not significant.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

IMPROVEMENTS IN ORGANIZATION STRUCTURE, POLICIES, MANAGEMENT

Trong năm 2019, định hình cơ cấu tổ chức của Công ty nhân sự của Công ty đang được mở rộng và tuyển dụng thêm nhân sự. Các quy trình, chính sách cho từng bộ phận đã và đang tiếp tục được xây dựng, cập nhật và chỉnh sửa cho phù hợp với tình hình mới và các quy định mới của pháp luật, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của toàn Công ty.

In 2019, the company's personnel are expanding and recruiting. The procedures and policies for each department have been set up, updated and amended adapting to the new situation and new regulations of the flip-flop, creating favorable conditions for the operation of the whole company.

KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2020/ *BUSINESS PLAN IN 2020*

Do ảnh hưởng của dịch Covid-19, năm 2020 được dự báo là một năm khó khăn cho thị trường chứng khoán thế giới nói chung và thị trường chứng khoán Việt Nam nói riêng. Vì vậy SSV đã có những điều chỉnh hợp lý kế hoạch kinh doanh để phù hợp với tình hình thị trường hiện tại.

Due to the impact of the Covid-19 epidemic, 2020 is forecasted to be a difficult year for the world stock market in general and Vietnam's stock market in particular. Therefore, SSV has many reasonable adjustment on business plans that are appropriate with the current market situation.

Với mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận và mở rộng hoạt động kinh doanh sang hoạt động bán lẻ, công ty có những chiến lược trong năm 2020 như sau:

With the target of maximizing profits and expanding business operation into retail activities, the Company has strategies in 2020 as follows:

- Tiếp tục tập trung thúc đẩy triển khai và cung cấp các sản phẩm khối ngành Ngân hàng đầu tư.

Continue to focus on developing and providing various products in the investment banking sector.

- Cải thiện hệ thống giao dịch, tuyển dụng đội ngũ môi giới nhằm cung cấp hoạt động môi giới và cho vay giao dịch ký quỹ chứng khoán niêm yết.

Upgrading the trading system, recruiting brokers to provide brokerage service and margin lending service.

- Tối ưu hóa hệ thống quản trị rủi ro, kiểm soát chi phí chặt chẽ.

Optimize risk management system, control costs closely.

- Mục tiêu: doanh thu dự kiến đạt 154 tỷ VNĐ và lợi nhuận dự kiến đạt 38 tỷ VNĐ.

Target: total expected revenue is VND154bn and net expected profit is VND38bn.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

EVALUATION REPORT RELATED TO ENVIRONMENT AND SOCIAL RESPONSIBILITY

Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải): không.

Assessments related to environmental indicators (water consumption, energy, emissions): none

Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: không

Assessment related to worker issues: none

Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của Công ty đối với cộng đồng địa phương: không.

Assessment related to the company's responsibility to the local community: none

GIẢI PHÁP VÀ CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG NĂM 2020

SOLUTION AND ACTION PLAN FOR 2020

Kiên toàn bộ máy nhân sự nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển và mở rộng của Công ty, không ngừng phát triển nhân tài và liên tục đào tạo, cập nhật kiến thức để củng cố và xây dựng một lực lượng nhân sự chất lượng cao cho Công ty cũng như phát triển được đội ngũ kế thừa nòng cốt. Chú trọng xây dựng đạo đức nghề nghiệp dựa trên nguyên tắc luôn đặt lợi ích của cộng đồng,

khách hàng và Công ty lên trên lợi ích cá nhân. Đảm bảo tất cả nguồn nhân lực ở tất cả các bộ phận (kinh doanh và hỗ trợ) đáp ứng kịp thời đầy đủ yêu cầu hoạt động kinh doanh.

Strengthen the human resources to meet the development and expansion needs of the Company, constantly developing such human resources and continuous training, updating knowledge to strengthen and build a high quality human resources for the Company as well as develop the core team. Focus on building professional ethics based on the principle of always placing the interests of the community, customers and the Company above personal interests. Ensure all human resources in all Departments meet all business requirements in a timely manner.

Đa dạng hóa sản phẩm, tích cực tham gia vào các sản phẩm mới trên thị trường nhằm đáp ứng nhu cầu của nhà đầu tư, hướng đến việc cung cấp các sản phẩm, dịch vụ phù hợp nhất cho khách hàng; Phát triển công nghệ hiện đại nhằm cải tiến, hoàn thiện các tính năng cũng như công cụ giao dịch trực tuyến với mục tiêu mang lại sự tiện lợi, nhanh chóng, an toàn và bảo mật cao cho nhà đầu tư; Phát triển năng lực nghiên cứu để có thể cung cấp các dịch vụ tư vấn tài chính chuyên sâu và chất lượng cao cho nhà đầu tư (khách hàng cá nhân và khách hàng tổ chức).

Diversify products, actively participate in new products in the market to meet the needs of investors, aiming to provide the best suited products and services to customers; Developing modern technology to improve and perfect the features and tools of online trading with the aim of bringing convenience, speedy, secure and high security for investors; Develop research capacity to provide high quality and specialized financial advisory services to investors (Individual customers and institutional customers).

Hoàn thiện các quy chế, quy trình nghiệp vụ nhằm tăng cường hiệu quả cho hoạt động kinh doanh và giảm thiểu rủi ro cho Công ty.

Complete regulations and operational procedures to enhance business efficiency and minimize risks for the Company.

Phân loại và xác định các nhóm khách hàng để thiết kế các sản phẩm, dịch vụ phù hợp cho từng đối tượng; Phát triển và hoàn thiện dịch vụ chăm sóc khách hàng nhằm duy trì và phát triển các mối quan hệ với khách hàng.

To classify and identify customers to design appropriate products and services for each type of customers; Develop and improve customer service to maintain and develop relationships with customers.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH/ FINANCIAL STATEMENTS

Ý kiến của Kiểm toán viên độc lập được trình bày trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại ngày 31/12/2019 bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

Auditor's opinions: Opinion of the independent auditors is presented in the audited financial statements as at 31/12/2018 by A&C Auditing and Consulting Co., Ltd.

Báo cáo tài chính được kiểm toán (đính kèm).

Audited financial statements as attached.

TUQ. ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
AUTHORIZED BY LEGAL REPRESENTATIVE



KANG SANG IN
Phó Tổng Giám đốc
Deputy General Director

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

(đã được kiểm toán)

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Phòng 2201, Lầu 22, Tòa nhà Centec,
72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, P. 6, Q. 3, TP. Hồ Chí Minh

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-36
Báo cáo tình hình tài chính	06-09
Báo cáo kết quả hoạt động	10-11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12-14
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	15
Thuyết minh Báo cáo tài chính	16-36

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Phòng 2201, Lầu 22, Tòa nhà Centec,
72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, P. 6, Q. 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019.

CÔNG TY

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam (tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Nam An) là doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài được sở hữu bởi Shinhan Investment Corp. (Hàn Quốc). Công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 123/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 04 tháng 02 năm 2016, được điều chỉnh lần thứ nhất theo Giấy phép điều chỉnh số 50/GPĐC-UBCK ngày 12 tháng 10 năm 2017 và lần thứ hai theo Giấy phép điều chỉnh số 62/GPĐC-UBCK ngày 27 tháng 12 năm 2017.

Trụ sở của Công ty tại: Phòng 2201, Lầu 22, Tòa nhà Centec, 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Thành viên trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Seo Tae Young	Chủ tịch
Ông Kwon Hyuk Jun	Thành viên
Ông Han Bok Hee	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Kwon Hyuk Jun	Tổng Giám đốc
Ông Kang Sang In	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Im Hyuk	Trưởng ban
Ông Nguyễn Thanh Phú	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Phòng 2201, Lầu 22, Tòa nhà Centec,
72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, P. 6, Q. 3, TP. Hồ Chí Minh

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định pháp lý của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Kang Sang In
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc
Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam được lập ngày 20 tháng 03 năm 2020, từ trang 06 đến trang 36, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần theo báo cáo kiểm toán số 1.0600/19/TC-AC ngày 25 tháng 03 năm 2019 đối với các Báo cáo tài chính này.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Phạm Anh Tuấn

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0777-2018-002-1

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2020

Ngô Hoàng Hà

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 3999-2018-002-1

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		753.727.169.789	708.539.030.440
110	I. Tài sản tài chính		751.261.104.143	706.291.052.725
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	213.143.306.701	15.730.581.116
111.1	1.1 Tiền		11.143.306.701	15.730.581.116
111.2	1.2 Các khoản tương đương tiền		202.000.000.000	-
112	3. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	5	426.005.870.550	681.005.783.300
113	4. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	5	100.000.000.000	-
117	5. Các khoản phải thu	6	11.936.394.546	9.126.235.637
117.2	5.1 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		11.936.394.546	9.126.235.637
117.4	5.1.1 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		11.936.394.546	9.126.235.637
118	6. Trả trước cho người bán		99.509.375	99.509.375
119	7. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	6	76.022.971	328.943.297
130	II. Tài sản ngắn hạn khác		2.466.065.646	2.247.977.715
131	1. Tạm ứng		1.079.664.543	1.079.664.543
132	2. Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ	7	253.560.000	-
133	3. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	1.132.841.103	1.089.288.484
135	4. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	79.024.688
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		150.436.520.557	254.248.718.075
210	I. Tài sản tài chính dài hạn		130.280.109.589	230.280.109.589
212	1. Các khoản đầu tư	10	130.280.109.589	230.280.109.589
212.1	1.1 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		130.280.109.589	230.280.109.589
220	II. Tài sản cố định		18.785.897.097	22.726.659.106
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	10.916.367.058	13.345.017.478
222	- Nguyên giá		25.135.622.049	24.985.453.949
223a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(14.219.254.991)	(11.640.436.471)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	7.869.530.039	9.381.641.628
228	- Nguyên giá		14.651.775.600	14.541.775.600
229a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(6.782.245.561)	(5.160.133.972)
250	V. Tài sản dài hạn khác		1.370.513.871	1.241.949.380
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	9	531.780.000	531.780.000
252	2. Chi phí trả trước dài hạn	8	544.499.488	431.228.000
254	3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán		294.234.383	278.941.380
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		904.163.690.346	962.787.748.515

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		6.096.555.844	123.669.719.667
310	I. Nợ phải trả ngắn hạn		6.096.555.844	123.669.719.667
311	1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		-	119.000.000.000
312	1.1 Vay ngắn hạn		-	119.000.000.000
318	2. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán		26.825.222	11.933.354
320	3. Phải trả người bán ngắn hạn	13	360.986.302	-
322	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	5.114.986.628	4.355.561.948
324	5. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		8.835.328	-
325	6. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	302.533.993	284.269.330
326	7. Phải trả nội bộ ngắn hạn		17.955.035	17.955.035
327	8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		144.433.336	-
329	9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		120.000.000	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		898.067.134.502	839.118.028.848
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	898.067.134.502	839.118.028.848
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		812.600.000.000	812.600.000.000
411.1	1.1 Vốn góp của chủ sở hữu		812.600.000.000	812.600.000.000
411.1a	a. Vốn góp của chủ sở hữu		812.600.000.000	812.600.000.000
414	2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		3.732.438.001	743.856.969
415	3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		3.732.438.001	743.856.969
417	4. Lợi nhuận chưa phân phối		78.002.258.500	25.030.314.910
417.1	4.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		77.995.724.892	25.024.632.976
417.2	4.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		6.533.608	5.681.934
440	TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		904.163.690.346	962.787.748.515

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
	A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT			
005	1. Ngoại tệ các loại		95.333	1.718
008	2. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của công ty chứng khoán	17	286	244
014	3. Chứng quyền		-	100
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG			
021	1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	18	191.487.540.000	137.885.330.000
021.1	a. Tài sản tài chính giao dịch dự do chuyển nhượng		191.458.540.000	137.885.330.000
021.5	e. Tài sản tài chính chờ thanh toán		29.000.000	-
022	2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	19	250.000.000.000	1.080.000
022.1	a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		250.000.000.000	1.080.000
023	3. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	20	42.400.000	11.900.000

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
026	4. Tiền gửi của khách hàng	21	956.486.605	428.603.543
027	4.1 Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		914.883.388	346.538.543
028	4.2 Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		23.905.716	32.295.000
029	4.3 Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		17.697.501	49.770.000
029.1	a. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư trong nước		3.980.000	-
029.2	b. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư nước ngoài		13.717.501	49.770.000
031	4. Phải trả Nhà đầu tư về tiền giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	22	952.252.265	424.367.503
031.1	4.1 Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		51.228.573	23.124.353
031.2	4.2 Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		901.023.692	401.243.150
035	5. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	23	4.234.340	4.236.040







Nguyễn Thị Nhật Linh
Người lập

Nguyễn Thị Nhật Linh
Kế toán trưởng

Kang Sang In
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Năm 2019

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018	
			VND	VND	
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG					
01	1.1	Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	47.648.252.000	40.393.018.965	
01.1	a.	Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	24.a)	1.500.000.000	455.354.000
01.2	b.	Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC FVTPL		690.300	907.850
01.3	c.	Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	24.b)	46.147.561.700	39.936.757.115
02	1.2	Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	24.b)	21.587.096.478	9.184.794.521
06	1.3	Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán		3.565.553.523	7.684.338.770
07	1.4	Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán		-	335.000.000
08	1.5	Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán		12.949.889.265	19.241.481.802
09	1.6	Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		69.768.000	52.040.000
10	1.7	Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	24.c)	37.033.611.083	11.959.658.138
11	1.8	Thu nhập hoạt động khác		15.293.003	14.433.161
20		Cộng doanh thu hoạt động		122.869.463.352	88.864.765.357
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG					
21	2.1	Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		603.050	-
21.2	b.	Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL		603.050	-
24	2.2	Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay		-	500.000
27	2.3	Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán		8.966.833.355	11.059.431.519
30	2.4	Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		83.451.519	57.422.654
31	2.5	Chi phí hoạt động tư vấn tài chính		13.540.570.682	8.182.360.116
40		Cộng chi phí hoạt động		22.591.458.606	19.299.714.289
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH					
41	3.1	Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		48.545.067	51.406.904
42	3.2	Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định		13.038.126	63.455.250
50		Cộng doanh thu hoạt động tài chính		61.583.193	114.862.154

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Năm 2019

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
	IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH	26		
51	4.1 Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		29.698.197	65.053.263
52	4.2 Chi phí lãi vay		7.024.347.201	467.950.013
60	Cộng chi phí tài chính		7.054.045.398	533.003.276
62	VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	27	19.240.381.445	12.900.744.209
70	VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		74.045.161.096	56.246.165.737
	VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC			
71	8.1 Thu nhập khác		123.631	3.281
72	8.2 Chi phí khác	28	153.273.912	88
80	Cộng kết quả hoạt động khác		(153.150.281)	3.193
90	IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		73.892.010.815	56.246.168.930
91	9.1 Lợi nhuận đã thực hiện		73.887.831.449	56.241.933.388
92	9.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		4.179.366	4.235.542
100	X. CHI PHÍ THUẾ TNDN	29	14.942.905.161	3.719.284.846
100.1	10.1 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		14.942.905.161	3.719.284.846
200	XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		58.949.105.654	52.526.884.084
400	Tổng thu nhập toàn diện		58.949.105.654	52.526.884.084



Nguyễn Thị Nhật Linh
Người lập



Nguyễn Thị Nhật Linh
Kế toán trưởng



Kang Sang In
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2019

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp		73.892.010.815	56.246.168.930
02	2. Điều chỉnh cho các khoản		11.270.246.084	(4.523.902.462)
03	- Khấu hao tài sản cố định		4.225.665.426	4.134.383.162
06	- Chi phí lãi vay		7.024.347.201	467.950.013
07	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		20.233.457	-
08	- Dự thu tiền lãi		-	(9.126.235.637)
10	3. Tăng các chi phí phi tiền tệ		603.050	-
11	- Lỗ đánh giá giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		603.050	-
18	4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ		(690.300)	(907.850)
19	- Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		(690.300)	(907.850)
30	5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		231.555.692.810	(322.472.199.242)
31	- Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		255.000.000.000	(94.500.000.000)
32	- Tăng (giảm) các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)		-	(230.280.109.589)
36	- (-) Tăng, (+) giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		(2.810.158.909)	2.643.129.176
37	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp		252.920.326	2.546.318
39	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu khác		-	(754.909)
40	- Tăng (giảm) các tài sản khác		(189.828.315)	696.812.508
41	- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)		133.278.362	5.962.035
42	- Tăng (giảm) chi phí trả trước		(156.824.107)	(761.661.945)
43	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(14.649.330.625)	-
44	- Lãi vay đã trả		(7.139.360.900)	(352.936.314)
45	- Tăng, (giảm) phải trả cho người bán		360.986.302	-
46	- Tăng, (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		8.835.328	-
47	- Tăng, (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN)		465.850.144	297.414.564
48	- Tăng, (giảm) phải trả người lao động		-	(226.435.000)
50	- Tăng, (giảm) phải trả, phải nộp khác		279.325.204	3.833.914
60	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		316.717.862.459	(270.750.840.624)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2019


(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
61	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác		(318.175.000)	(655.068.440)
65	2. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn		13.038.126	-
70	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		<i>(305.136.874)</i>	<i>(655.068.440)</i>
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
73	1. Tiền vay gốc		503.137.931.034	382.000.000.000
73.2	1.1 Tiền vay khác		503.137.931.034	382.000.000.000
74	2. Tiền chi trả nợ gốc vay		(622.137.931.034)	(263.000.000.000)
74.3	2.1 Tiền chi trả gốc nợ vay khác		(622.137.931.034)	(263.000.000.000)
80	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>(119.000.000.000)</i>	<i>119.000.000.000</i>
90	IV. Tăng (giảm) tiền thuần trong năm		197.412.725.585	(152.405.909.064)
101	V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		15.730.581.116	168.136.490.180
101.1	- Tiền		15.730.581.116	1.136.490.180
101.2	- Các khoản tương đương tiền		-	167.000.000.000
103	VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm		213.143.306.701	15.730.581.116
103.1	- Tiền		11.143.306.701	15.730.581.116
103.2	- Các khoản tương đương tiền		202.000.000.000	-

**PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA
KHÁCH HÀNG**

Năm 2019

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
	I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		24.407.593.400	22.763.436.900
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(29.091.942.500)	(49.159.279.000)
07	3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		25.026.330.816	26.298.111.030
08	4. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		(19.814.096.954)	-
14	5. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán		545.053.830	-
15	6. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán		(545.055.530)	-
20	Tăng/giảm tiền thuần trong năm		527.883.062	(97.731.070)
30	II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng		428.603.543	526.334.613
31	Tiền gửi ngân hàng đầu năm:		428.603.543	526.334.613
32	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		346.538.543	255.490.413
33	- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		32.295.000	-
34	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		49.770.000	270.844.200
40	III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng		956.486.605	428.603.543
41	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:		956.486.605	428.603.543
42	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		914.883.388	346.538.543
43	- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		23.905.716	32.295.000
44	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		17.697.501	49.770.000


Nguyễn Thị Nhật Linh
Người lập

Nguyễn Thị Nhật Linh
Kế toán trưởngKang Sang In
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2020


BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Năm 2019

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm		Số dư cuối năm			
		01/01/2018		01/01/2019		Năm 2018		Năm 2019	
		VND	VND	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		812.600.000.000	812.600.000.000	-	-	-	-	812.600.000.000	812.600.000.000
1.1 Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		812.600.000.000	812.600.000.000	-	-	-	-	812.600.000.000	812.600.000.000
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (*)		-	743.856.969	743.856.969	-	2.988.581.032	-	743.856.969	3.732.438.001
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ (*)		-	743.856.969	743.856.969	-	2.988.581.032	-	743.856.969	3.732.438.001
4. Lợi nhuận chưa phân phối		(26.008.855.236)	25.030.314.910	52.526.884.084	1.487.713.938	58.952.433.346	5.980.489.756	25.030.314.910	78.002.258.500
4.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		(26.010.301.628)	25.024.632.976	52.522.648.542	1.487.713.938	58.948.253.980	5.977.162.064	25.024.632.976	77.995.724.892
4.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		1.446.392	5.681.934	4.235.542	-	4.179.366	3.327.692	5.681.934	6.533.608
TỔNG CỘNG		786.591.144.764	839.118.028.848	54.014.598.022	1.487.713.938	64.929.595.410	5.980.489.756	839.118.028.848	898.067.134.502

(*) Công ty thực hiện trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và quỹ dự phòng tài chính bằng 5% lợi nhuận sau thuế TNDN trên Báo cáo Kết quả hoạt động theo quy định tại điều lệ Công ty.


 Người lập


 Nguyễn Thị Nhật Linh
 Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2020



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2019

1 . THÔNG TIN CHUNG

1.1 . Đặc điểm hoạt động của Công ty Chứng khoán

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam (tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Nam An) là doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài được sở hữu bởi Shinhan Investment Corp. (Hàn Quốc). Công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 123/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 04 háng 02 năm 2016, được điều chỉnh lần thứ nhất theo Giấy phép điều chỉnh số 50/GPĐC-UBCK ngày 12 tháng 10 năm 2017 và lần thứ hai theo Giấy phép điều chỉnh số 62/GPĐC-UBCK ngày 27 tháng 12 năm 2017.

Trụ sở của Công ty tại: Phòng 2201, Lầu 22, Tòa nhà Centec, 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Điều lệ hoạt động của Công ty ban hành và sửa đổi bổ sung ngày 20 tháng 11 năm 2018 và đến nay chưa có sửa đổi, bổ sung.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 812.600.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 812.600.000.000 đồng.

1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán.

1.3 . Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Năm 2019, Công ty tiếp tục phát triển mảng kinh doanh thế mạnh là tư vấn tài chính. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính của Công ty đã tăng 309,65%, nhờ đó Công ty tiếp tục đạt hiệu quả kinh doanh và duy trì mức lợi nhuận cao.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán đối với công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán (thay thế cho Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, Quyết định số 99/2000/QĐ-BTC ngày 13 tháng 06 năm 2000, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010); Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ tài chính, sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi hoạt động của công ty chứng khoán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi về bù trừ thanh toán giao dịch chứng khoán là số tiền sẵn sàng tham gia bù trừ và thanh toán của Công ty và khách hàng tại ngày T+x theo yêu cầu của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), được mở tại Ngân hàng chỉ định để thanh toán mua, bán chứng khoán theo kết quả đã bù trừ thuần (net).

Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua bán chứng khoán được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính (ngoại bảng).

2.4 . Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

a) Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) và các khoản phải thu. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó, ngoại trừ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) chỉ được xác định theo giá mua/chi phí phát hành.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

b) Nguyên tắc phân loại

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL): tài sản tài chính được phân loại theo FVTPL khi tài sản tài chính đó được nắm giữ cho mục đích mua vào, bán ra trên thị trường tài chính thông qua hoạt động nghiên cứu và phân tích với kỳ vọng sinh lời. Các loại tài sản tài chính được phân loại nhóm khác khi bán cần phân loại lại vào FVTPL.

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Phòng 2201, Lầu 22, Tòa nhà Centec,
72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, P. 6, Q. 3, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

Các tài sản tài chính FVTPL là công cụ nợ khi đáo hạn phải được chuyển sang ghi nhận là các khoản phải thu và lập dự phòng như một khoản phải thu khó đòi (nếu có).

Tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM): là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được, có kỳ hạn là cố định mà Công ty có dự định tích cực và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính phi phái sinh mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp loại vào nhóm ghi nhận theo giá trị thông qua lãi/lỗ (FVTPL);
- Các tài sản tài chính phi phái sinh đã được Công ty xếp loại vào nhóm sẵn sàng để bán (AFS);
- Các tài sản tài chính phi phái sinh thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và các khoản phải thu.

Sau ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) được xác định theo chi phí phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi/lỗ: là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh;
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ: là các khoản nợ phải trả tài chính không được xếp loại vào nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

c) Nguyên tắc đánh giá lại các tài sản tài chính

Việc đánh giá lại các tài sản tài chính FTVPL theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý được thực hiện theo phương pháp xác định giá trị phù hợp với quy định pháp luật. Trong trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất, Công ty sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các tài sản tài chính. Giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được quy định tại Điều lệ hoặc Sổ tay định giá của Công ty hoặc sau khi đã được Ban Tổng Giám đốc chấp thuận bằng văn bản.

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính được xác định theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC như sau:

- Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa bình quân tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để đánh giá lại là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá lại nhưng không quá một tháng tính đến ngày đánh giá lại.

2.5 . Các khoản phải thu ngắn hạn, dài hạn

Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính: phản ánh toàn bộ các khoản phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi của các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty.

Phải thu các dịch vụ Công ty cung cấp: phản ánh các khoản phải thu của Công ty với Sở Giao dịch chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), với Nhà đầu tư là khách hàng của Công ty, với Tổ chức phát hành chứng khoán hoặc bảo lãnh phát hành chứng khoán, các khoản phải thu từ các hoạt động kinh doanh giao dịch chứng khoán.

Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu: được trích lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Mức trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định theo Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08/08/2019 như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

2.6 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình và vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	08 năm
- Máy móc, thiết bị	08 năm
- Thiết bị văn phòng	08 năm
- Quyền sử dụng đất	Không trích khấu hao
- Phần mềm giao dịch, bằng sáng chế	08 năm

2.7 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.8 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.9 . Các khoản nợ phải trả ngắn hạn, dài hạn

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán: phản ánh tình hình thanh toán về các khoản phí hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán cho Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), phải trả đại lý phát hành chứng khoán của Công ty.

Các khoản phải trả tổ chức phát hành chứng khoán: phản ánh tình hình nhận và thanh toán khoản phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán về tiền bán chứng khoán bảo lãnh phát hành do Công ty thực hiện ở công ty bảo lãnh phát hành chứng khoán chính hoặc phụ, kể cả trường hợp công ty bảo lãnh phát hành chứng khoán bán chứng khoán phát hành qua các đại lý.

2.10 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

2.11 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.12 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cung cấp dịch vụ tư vấn.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.13 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối của Công ty bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện. Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối của Công ty lũy kế tính đến cuối năm trước là cơ sở để phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu. Lợi nhuận chưa thực hiện tính đến cuối năm trước không là cơ sở phân phối cho chủ sở hữu.

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Phòng 2201, Lầu 22, Tòa nhà Centec,
72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, P. 6, Q. 3, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty lũy kế phát sinh trong năm. Số lợi nhuận được sử dụng để phân phối cho các chủ sở hữu phải trừ đi số lỗ đã thực hiện lũy kế tính từ đầu kỳ này và số lỗ chưa thực hiện lũy kế tính đến thời điểm phân phối lãi cho chủ sở hữu. Việc phân phối lợi nhuận của Công ty cho chủ sở hữu phải đảm bảo rõ ràng, minh bạch và theo đúng quy định của pháp luật doanh nghiệp, chứng khoán và các pháp luật hiện hành khác có liên quan đối với công ty chứng khoán, điều lệ công ty chứng khoán, Nghị quyết Hội đồng thành viên. Lợi nhuận đã thực hiện được phân phối thu nhập cho thành viên góp vốn sau khi đã trừ đi các nghĩa vụ thuế phải nộp tính trên khoản thu nhập được hưởng.

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế đã thực hiện hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06/10/2014 như sau:

Quỹ	Mức trích từ lợi nhuận sau thuế	Mức trích tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự trữ bắt buộc	5%	10% vốn điều lệ

2.14 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại như sau:

- Các khoản mục tài sản được đánh giá lại sử dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Các khoản mục nợ phải trả được đánh giá lại sử dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động.

2.15 . Doanh thu, thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập bán các tài sản tài chính tự doanh FVTPL được xác định là chênh lệch giữa giá bán và giá vốn theo số lượng các tài sản tài chính FVTPL đã bán ra. Thu nhập bán các tài sản tài chính là thu nhập đã thực hiện.

Thu nhập do đánh giá tăng các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý. Thu nhập đánh giá lại các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL là thu nhập chưa thực hiện.

Thu nhập phát sinh từ các tài sản tài chính tự doanh FVTPL, HTM bao gồm: lãi cho vay phát sinh từ các khoản cho vay phù hợp với quy định của Luật chứng khoán; cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ cổ phiếu, lãi trái phiếu; lãi phát sinh từ các khoản tiền gửi cố định.

Cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ các tài sản tài chính thuộc danh mục đầu tư của Công ty: FVTPL, HTM được ghi nhận khi công ty được quyền nhận cổ tức từ quyền sở hữu cổ phiếu đã được xác lập.

2.16 . Chi phí hoạt động và chi phí quản lý công ty

Chi phí được ghi nhận khi có khả năng làm giảm các lợi ích kinh tế tại thời điểm phát sinh hoặc có thể xác định được một cách chắc chắn phát sinh, không phân biệt đã được thanh toán hay chưa.

2.17 . Doanh thu tài chính, chi phí hoạt động tài chính

Doanh thu tài chính bao gồm:

- Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái;
- Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng không cố định.

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm:

- Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái;
- Chi phí lãi vay.

2.18 . Các khoản thuế

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019.

2.19 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Phòng 2201, Lầu 22, Tòa nhà Centec,
72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, P. 6, Q. 3, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.20 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm VND
Của Công ty Chứng khoán	424.620	45.234.050.400
- Trái phiếu	424.520	43.734.050.400
- Chứng quyền	100	1.500.000.000
Của nhà đầu tư	7.671.404	286.552.327.900
- Cổ phiếu	7.575.294	285.128.984.800
- Chứng chỉ quỹ	96.110	1.423.343.100
	8.096.024	331.786.378.300

4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Tiền mặt tại quỹ	68.618.000	51.520.500
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Công ty	11.074.688.701	15.679.060.616
Các khoản tương đương tiền	202.000.000.000	-
	213.143.306.701	15.730.581.116

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng, được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 6%/năm đến 7,3%/năm.

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Phòng 2201, Lầu 22, Tòa nhà Centec,
72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, P. 6, Q. 3, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

5 . CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH**a) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết	3.429.058	5.870.550	3.429.058	5.783.300
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	208.000.000.000	208.000.000.000	200.000.000.000	200.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	147.000.000.000	147.000.000.000	85.000.000.000	85.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	-	-	227.000.000.000	227.000.000.000
Chứng chỉ tiền gửi của Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam	-	-	69.000.000.000	69.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	71.000.000.000	71.000.000.000	-	-
Chứng chỉ tiền gửi của Công ty Tài chính TNHH MTV Mirae Asset Việt Nam	-	-	100.000.000.000	100.000.000.000
	426.003.429.058	426.005.870.550	681.003.429.058	681.005.783.300

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn và chứng chỉ tiền gửi của Công ty có kỳ hạn từ 06 đến 12 tháng được gửi tại các Ngân hàng thương mại với lãi suất từ 6%/năm đến 7,3%/năm.

Đối với các khoản tiền gửi có kỳ hạn và chứng chỉ tiền gửi, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý. Theo đó giá trị hợp lý được ước tính bằng giá gốc của khoản đầu tư.

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Phòng 2201, Lầu 22, Tòa nhà Centec,
72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, P. 6, Q. 3, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Trái phiếu kỳ hạn 02 năm của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam (Đáo hạn vào 16/05/2020)	100.000.000.000	-
	100.000.000.000	-

Trái phiếu kỳ hạn 02 năm của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam, thời gian đáo hạn vào ngày 16 tháng 05 năm 2020, lãi suất trái phiếu là 9,5%/năm và được thanh toán 06 tháng/lần.

6 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN**Các khoản phải thu ngắn hạn**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	11.936.394.546	9.126.235.637
Phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp	76.022.971	328.943.297
- Phải thu hoạt động tư vấn tài chính	69.768.000	326.104.947
- Phải thu các dịch vụ khác	6.254.971	2.838.350
	12.012.417.517	9.455.178.934

7 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	253.560.000	-
	253.560.000	-

8 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Phí bảo trì phần mềm, hệ thống	875.428.980	925.839.759
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	257.412.123	163.448.725
	1.132.841.103	1.089.288.484

b) Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Phí phần mềm	106.058.341	223.128.337
Chi phí trả trước dài hạn khác	438.441.147	208.099.663
	544.499.488	431.228.000

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Phòng 2201, Lầu 22, Tòa nhà Centec,
72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, P. 6, Q. 3, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

9 . CẦM CỔ, THẺ CHẤP, KÝ QUỸ, KÝ CƯỢC DÀI HẠN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ký cược, ký quỹ tiền thuê văn phòng	516.780.000	516.780.000
Cầm cổ, thẻ chấp, ký quỹ, ký cược khác	15.000.000	15.000.000
	531.780.000	531.780.000

10 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
- Trái phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Thế giới di động	30.280.109.589	30.280.109.589
- Trái phiếu Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam	-	100.000.000.000
- Trái phiếu Công ty Cổ phần An Phát Xanh	100.000.000.000	100.000.000.000
	130.280.109.589	230.280.109.589

Thông tin chi tiết liên quan đến trái phiếu:

	31/12/2019			01/01/2019		
	Giá trị	Lãi suất	Kỳ hạn	Giá trị	Lãi suất	Kỳ hạn
	VND	%		VND	%	
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thế giới di động	30.280.109.589	6,7%	60 tháng	30.280.109.589	6,7%	60 tháng
- Công ty Cổ phần An Phát Xanh	100.000.000.000	6,55%	36 tháng	100.000.000.000	6,55%	36 tháng
	130.280.109.589			130.280.109.589		

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
		VND	VND	VND
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2019	1.289.081.100	13.348.726.992	10.347.645.857	24.985.453.949
Mua trong năm		-	208.175.000	208.175.000
Thanh lý, nhượng bán		-	(58.006.900)	(58.006.900)
Tại ngày 31/12/2019	1.289.081.100	13.348.726.992	10.497.813.957	25.135.622.049
Giá trị hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/01/2019	1.031.264.894	4.623.361.338	5.985.810.239	11.640.436.471
Khấu hao trong năm	128.908.116	1.648.731.252	825.914.469	2.603.553.837
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(24.735.317)	(24.735.317)
Tại ngày 31/12/2019	1.160.173.010	6.272.092.590	6.786.989.391	14.219.254.991
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2019	257.816.206	8.725.365.654	4.361.835.618	13.345.017.478
Tại ngày 31/12/2019	128.908.090	7.076.634.402	3.710.824.566	10.916.367.058

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 3.788.205.107 đồng.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Phòng 2201, Lầu 22, Tòa nhà Centec,
72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, P. 6, Q. 3, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm giao dịch, kế toán</u>	<u>Cộng</u>
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2019	314.420.000	14.227.355.600	14.541.775.600
Mua trong năm	-	110.000.000	110.000.000
Tại ngày 31/12/2019	314.420.000	14.337.355.600	14.651.775.600
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2019	-	5.160.133.972	5.160.133.972
Khấu hao trong năm	-	1.622.111.589	1.622.111.589
Tại ngày 31/12/2019	-	6.782.245.561	6.782.245.561
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2019	314.420.000	9.067.221.628	9.381.641.628
Tại ngày 31/12/2019	314.420.000	7.555.110.039	7.869.530.039

Giá trị quyền sử dụng đất tại địa chỉ 293/9 Tùng Thiện Vương, phường 11, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh với diện tích 36,98 m² thuộc loại sử dụng đất ổn định lâu dài, được kế thừa từ CTCP Chứng khoán Nam An và đang trong quá trình chuyển nhượng

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
Công ty TNHH Jeong San Vina	360.986.302	-
	360.986.302	-

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	180.188.474	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	4.012.859.382	3.719.284.846
Thuế Thu nhập cá nhân	894.069.558	623.270.662
Các loại thuế khác	27.869.214	13.006.440
	5.114.986.628	4.355.561.948

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	-	115.013.699
Chi phí hoạt động công ty chứng khoán	302.533.993	169.255.631
	302.533.993	284.269.330

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Phòng 2201, Lầu 22, Tòa nhà Centec,
72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, P. 6, Q. 3, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

16 . VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

a) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	31/12/2019 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2019 VND
Shinhan Investment Corp.	100%	812.600.000.000	100%	812.600.000.000
	100%	812.600.000.000	100%	812.600.000.000

b) Lợi nhuận chưa phân phối

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối	77.995.724.892	25.024.632.976
Lợi nhuận chưa thực hiện	6.533.608	5.681.934
	78.002.258.500	25.030.314.910

c) Tình hình phân phối thu nhập cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối năm trước	25.024.632.976	(26.010.301.628)
Lỗ/lãi đã thực hiện năm nay tính từ đầu năm	58.948.753.980	52.522.648.542
Cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn tính đến cuối năm tài chính	83.972.886.956	26.512.346.914
Số trích các quỹ từ lợi nhuận	(5.977.162.064)	(1.487.713.938)
- Quỹ dự trữ điều lệ	(2.988.581.032)	(743.856.969)
- Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	(2.988.581.032)	(743.856.969)
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối tính đến cuối năm tài chính	77.995.724.892	25.024.632.976

17 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	286	244
	286	244

18 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	191.458.540.000	137.885.330.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	29.000.000	-
	191.487.540.000	137.885.330.000

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Phòng 2201, Lầu 22, Tòa nhà Centec,
72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, P. 6, Q. 3, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

19 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	250.000.000.000	1.080.000
	250.000.000.000	1.080.000

20 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHỜ VỀ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	42.400.000	11.900.000
	42.400.000	11.900.000

21 . TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	914.883.388	346.538.543
1. Nhà đầu tư trong nước	51.518.785	27.360.393
2. Nhà đầu tư nước ngoài	863.364.603	319.178.150
Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	23.905.716	32.295.000
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	17.697.501	49.770.000
1. Nhà đầu tư trong nước	3.980.000	-
2. Nhà đầu tư nước ngoài	13.717.501	49.770.000
	956.486.605	428.603.543

22 . PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
1. Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	952.252.265	424.367.503
1.1 Nhà đầu tư trong nước	51.228.573	23.124.353
1.2 Nhà đầu tư nước ngoài	901.023.692	401.243.150
	952.252.265	424.367.503

23 . PHẢI TRẢ CỔ TỨC, GỐC VÀ LÃI TRÁI PHIẾU

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu cho Nhà đầu tư	4.234.340	4.236.040
	4.234.340	4.236.040

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Phòng 2201, Lầu 22, Tòa nhà Centec,
72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, P. 6, Q. 3, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

24 . THU NHẬP**a) Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính**

Khoản lãi bán các tài sản tài chính là khoản lãi chuyển nhượng 100 chứng quyền Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát.

b) Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL, các khoản cho vay, HTM

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Từ tài sản tài chính FVTPL	46.147.561.700	39.936.757.115
Từ tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	21.587.096.478	9.184.794.521
	67.734.658.178	49.121.551.636

c) Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Thu phí tư vấn tìm đối tác tiềm năng cho khách hàng	231.851.564	2.371.942.365
Thu phí dịch vụ tư vấn, kiểm tra và giám sát hoạt động công ty mục tiêu của khách hàng	302.612.956	1.228.001.446
Thu phí dịch vụ tư vấn, giám sát hoạt động liên quan đến thỏa thuận cấp tín dụng và hoạt động thu xếp tín dụng	35.644.873.836	7.707.623.418
Thu phí tư vấn, đại lý phát hành trái phiếu	854.272.727	651.090.909
Doanh thu khác	-	1.000.000
	37.033.611.083	11.959.658.138

25 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	48.545.067	51.406.904
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	44.452.951	48.079.212
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	4.092.116	3.327.692
Doanh thu lãi liên gửi không kỳ hạn	13.038.126	63.455.250
	61.583.193	114.862.154

26 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái	29.698.197	65.053.263
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	29.698.197	65.053.263
Chi phí lãi vay	7.024.347.201	467.950.013
	7.054.045.398	533.003.276

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Phòng 2201, Lầu 22, Tòa nhà Centec,
72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, P. 6, Q. 3, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

27 . CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí lương và các khoản theo lương	10.341.216.526	7.828.509.203
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN	666.109.270	580.651.025
Chi phí vật tư văn phòng	51.137.611	24.950.601
Chi phí công cụ, dụng cụ	78.151.664	74.325.531
Chi phí khấu hao TSCĐ, BĐSĐT	1.031.208.309	963.259.187
Chi phí thuế, phí và lệ phí	7.905.000	4.569.192
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.677.290.636	2.270.136.355
Chi phí khác	2.387.362.429	1.154.343.115
	19.240.381.445	12.900.744.209

28 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	33.271.583	-
Các khoản bị phạt	120.000.000	-
Các khoản khác	2.329	88
	153.273.912	88

29 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	73.892.010.815	56.246.168.930
Các khoản điều chỉnh tăng	822.514.988	321.537.467
- Chi phí không hợp lệ	822.514.988	321.537.467
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(37.971.282.167)
- Chuyển lỗ các năm trước	-	(37.971.282.167)
Thu nhập chịu thuế TNDN	74.714.525.803	18.596.424.230
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)	14.942.905.161	3.719.284.846
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	3.719.284.846	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(14.649.330.625)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm	4.012.859.382	3.719.284.846

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Phòng 2201, Lầu 22, Tòa nhà Centec,
72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, P. 6, Q. 3, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

30 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc/GTHL VND	Dự phòng VND	Giá gốc/GTHL VND	Dự phòng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	213.143.306.701	-	15.730.581.116	-
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	426.005.870.550	-	681.005.783.300	-
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	230.280.109.589	-	230.280.109.589	-
Các khoản phải thu	12.012.417.517	-	9.455.178.934	-
	881.441.704.357	-	936.471.652.939	-
			31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
Vay và nợ			-	119.000.000.000
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác			525.766.559	29.888.389
Chi phí phải trả			302.533.993	284.269.330
			828.300.552	119.314.157.719

Theo quy định tại Thông tư 210/2009/TT-BTC, Thông tư 146/2014/TT-BTC, và Thông tư 334/2016/TT-BTC, tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư.

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Phòng 2201, Lầu 22, Tòa nhà Centec,
72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, P. 6, Q. 3, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2019				
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	426.005.870.550	-	-	426.005.870.550
	<u>426.005.870.550</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>426.005.870.550</u>
Tại ngày 01/01/2019				
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	681.005.783.300	-	-	681.005.783.300
	<u>681.005.783.300</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>681.005.783.300</u>

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, trái phiếu và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2019				
Tiền và các khoản tương đương tiền	213.143.306.701	-	-	213.143.306.701
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	100.000.000.000	130.280.109.589	-	230.280.109.589
Các khoản phải thu	12.012.417.517	-	-	12.012.417.517
	<u>325.155.724.218</u>	<u>130.280.109.589</u>	<u>-</u>	<u>455.435.833.807</u>

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Phòng 2201, Lầu 22, Tòa nhà Centec,
72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, P. 6, Q. 3, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2019				
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.730.581.116	-	-	15.730.581.116
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	230.280.109.589	-	230.280.109.589
Các khoản phải thu	9.455.178.934	-	-	9.455.178.934
	25.185.760.050	230.280.109.589	-	255.465.869.639

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2019				
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác	525.766.559	-	-	525.766.559
Chi phí phải trả	302.533.993	-	-	302.533.993
	828.300.552	-	-	828.300.552
Tại ngày 01/01/2019				
Vay và nợ	119.000.000.000	-	-	119.000.000.000
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác	29.888.389	-	-	29.888.389
Chi phí phải trả	284.269.330	-	-	284.269.330
	119.314.157.719	-	-	119.314.157.719

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Phòng 2201, Lầu 22, Tòa nhà Centec,
72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, P. 6, Q. 3, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

32 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ**Số tiền đi vay thực thu trong năm và số tiền đã thực trả gốc vay trong năm**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	503.137.931.034	382.000.000.000
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	622.137.931.034	263.000.000.000

Trong năm Công ty phát sinh một số khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng TNHH Shinhan HongKong với kỳ hạn dưới 6 tháng nhằm mục đích phục vụ hoạt động kinh doanh. Lãi suất áp dụng đối với các khoản vay là lãi suất thả nổi theo lãi suất LIBOR kỳ hạn 3 tháng (từ 5,85% đến 6,05%)

33 . CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty thuê 264 m² tại Phòng 2201, Lầu 22, Tòa nhà Centec, 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh dưới hình thức thuê hoạt động. Hợp đồng thuê có thời hạn 03 năm, hết hạn vào ngày 31 tháng 07 năm 2021, giá thuê 517.500 đồng/m²/tháng. Chi phí thuê được thanh toán định kỳ mỗi 3 tháng.

34 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THỨC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

35 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2019	Năm 2018
		VND	VND
Doanh thu			
Shinhan Investment Corp.	Công ty mẹ	8.914.103.592	3.097.740.640
Công ty TNHH Tài chính Shinhan Việt Nam	Cùng Tập đoàn	6.987.272.727	-
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	Cùng Tập đoàn	48.986.280	-
Mua dịch vụ			
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	Cùng Tập đoàn	2.750.000	1.240.000
Lãi vay			
Ngân Hàng Shinhan bank HongKong	Cùng Tập đoàn	4.299.072.262	
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	Cùng Tập đoàn	51.986.301	182.630.137
Lãi tiền gửi			
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	Cùng Tập đoàn	1.343.511.777	18.097.289.531



CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Phòng 2201, Lầu 22, Tòa nhà Centec,
72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, P. 6, Q. 3, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

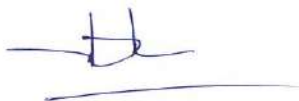
	<u>Mối quan hệ</u>	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
		VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền			
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	Cùng Tập đoàn	9.218.704.863	14.977.986.888
Tiền gửi có kỳ hạn			
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	Cùng Tập đoàn	208.000.000.000	200.000.000.000
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn			
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	Cùng Tập đoàn	4.328.027.397	75.616.438
Các khoản vay			
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	Cùng Tập đoàn	-	69.000.000.000
Phải trả khác			
Shinhan Investment Corp.	Công ty mẹ	17.955.035	17.955.035

Ngoài thông tin về các bên liên quan đã được trình bày ở trên, giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm 2019</u>	<u>Năm 2018</u>
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Thành viên HĐQT	5.238.164.353	4.771.403.223

36 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C kiểm toán.



Nguyễn Thị Nhật Linh
Người lập



Nguyễn Thị Nhật Linh
Kế toán trưởng



Kang Sang In
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2020

